TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 362/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 1, ngày 19 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/7/2019 tại Trung tâm hòa giải - đối thoại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 349/2019/HNST ngày 12 tháng 7 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Mai Ngọc S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 2A/1 đường N, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 2A/1 đường N, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Ngọc S và bà Trần Thị N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2013. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, không cùng quan điểm sống. Nay ông bà xác định khả năng đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Mai Ngọc S và bà Trần Thị N có 02 con chung tên Mai Trần Gia H (nữ), sinh ngày 21/3/2015 và Mai Trần Tuệ L (nữ), sinh ngày 12/4/2017. Ông S và bà N thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Trần Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Ngọc S và bà Trần Thị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình: Ông Mai Ngọc S và bà Trần Thị N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Ngọc S, sinh năm 1989 và bà Trần Thị N, sinh năm 1987 thuận tình ly hôn.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2013).

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao 02 con chung tên Mai Trần Gia H (nữ), sinh ngày 21/3/2015 và Mai Trần Tuệ L (nữ), sinh ngày 12/4/2017 cho bà Trần Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Mai Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai được quyền cản trở, nhưng ông S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Trần Thị N.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Ngọc S và bà Trần Thị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Mai Ngọc S và bà Trần Thị N cùng chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0007829 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Mai Ngọc S và bà Trần Thị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1;
- UBND phường Đa Kao, Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu vt, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Hạnh